TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 3 - 2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trương Minh Thọ;

2.Ông Mai Phú

- T ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú - T ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 654/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị Thúy H**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 118H/1, đường N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Anh **Huỳnh Bá C**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 118H/1, đường N, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Đồng Thị Thúy H thì*: Chị và anh Huỳnh Bá C kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Q; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà trọ ở thành phố Đ. Đến năm 2013 thì mua đất làm nhà ở tại số 118H/1, đường N, Phường D, thành phố Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mẫu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống, anh C gia trưởng vũ phu, hay chửi bới đánh đập chị, đã có lần chị báo với Công an Phường D để nhờ can thiệp, tuy nhiên Công an Phường 4 không đến làm việc. Hiện vợ chồng chị vẫn còn sống chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 27/03/2011 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 18/01/2013. Hiện các con đang sống cùng vợ chồng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Minh T và chị thống nhất đồng ý giao 01 con chung là Huỳnh Bá T cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng vì anh C có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bản tự khai của bị đơn anh Huỳnh Bá C trình bày thì*: Anh và chị H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng anh vẫn còn sống chung. Nguyện vọng của anh C muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 27/03/2011 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 18/01/2013. Hiện các con đang sống cùng vợ chồng anh. Trường hợp ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản là nhà đất tại số 118H, đường N và 01 mảnh đất tại hẻm 65, đường H, ly hôn vợ chồng anh sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị H xác định hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Về con chung chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 27/03/2011 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 18/01/2013. Ly hôn chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Minh T đến khi con thành niên và đồng ý giao con chung

Huỳnh Bá T cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên theo nguyện vọng của các con.

Bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị Thúy H, cho chị Đồng Thị Thúy H được ly hôn với anh Huỳnh Bá C; về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Minh T cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Huỳnh Bá T cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Đồng Thị Thúy H và anh Huỳnh Bá C kết hôn với nhau vào năm 2010, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh C hiện cư trú tại Phường 4, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Bá C đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Theo trình bày của chị H thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với nhau vợ chồng Tòng hay cải nhau, anh C gia trưởng và nhiều lần đánh đập xúc phạm chị, chị đã từng nhiều lần gửi đơn xin ly hôn anh C, nhưng sau đó đã rút đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C đến để hòa giải nhưng anh C

chỉ đến làm việc, làm tự khai và sau đó bỏ về, mặc dù anh C có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, nhưng quá trình Tòa án triệu tập đến để hòa giải nhưng anh C không có mặt, đã cho thấy anh C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh C, thời gian này vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau và chị cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 27/03/2011 và Huỳnh Bá T, sinh ngày 18/01/2013. Quá trình giải quyết chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Minh T; còn anh C có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; tuy nhiên cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị H và cháu T có nguyện vọng được sống cùng anh C; xét thấy cháu T là con gái và cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên cần giao con chung Huỳnh Thị Minh T cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; giao con chung Huỳnh Bá T cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đồng Thị Thúy H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Đồng Thị Thúy H đối với bị đơn anh Huỳnh Bá C.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị Thúy H và anh Huỳnh Bá C được ly hôn.

2/Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 27/03/2011 cho chị Đồng Thị Thúy H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên và giao con chung Huỳnh Bá T, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Huỳnh Bá C được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Đồng Thị Thúy H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002329 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (16/3/2023). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan